

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ I CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	6 - 9
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	10 - 11
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 24

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		6,536,949,851,649	6,585,602,210,638
I Tiền và các khoản tương đương tiền		110	IV.1	361,657,518,237	727,992,721,617
1 Tiền		111		361,657,518,237	727,992,721,617
2 Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	IV.2	3,333,756,985,225	2,797,493,937,155
1 Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		122		-	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	IV.2a	3,333,756,985,225	2,797,493,937,155
III Các khoản phải thu ngắn hạn		130		1,276,704,427,748	1,162,910,669,607
1 Phải thu khách hàng		131		530,169,341,480	691,887,788,410
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		131.1	IV.3	530,169,341,480	691,887,788,410
1.2 Phải thu khác của khách hàng		131.2		-	-
2 Trả trước cho người bán		132	IV.4	307,569,400,772	314,468,858,694
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4 Các khoản phải thu khác		136	IV.5	548,236,808,824	257,850,841,800
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	IV.6	(109,271,123,328)	(101,296,819,297)
IV Hàng tồn kho		140	IV.7	1,463,304,104	903,503,869
1 Hàng tồn kho		141		1,463,304,104	903,503,869
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác		150		266,680,290,631	277,534,751,420
1 Chi phí trả trước ngắn hạn		151	IV.8a	255,681,444,565	271,284,960,811
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		151.1	IV.8a	198,749,966,209	209,513,399,497
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác		151.2		56,931,478,356	61,771,561,314
2 Thuế GTGT được khấu trừ		152		7,638,204,447	3,773,159,573
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	IV.9	3,360,641,619	2,476,631,036
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
VIII Tài sản tái bảo hiểm		190		1,296,687,325,704	1,618,766,626,970
1 Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		191	IV.18a	588,364,512,541	627,269,005,865
2 Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		192	IV.18a	708,322,813,163	991,497,621,105

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,834,360,906,639	1,841,575,915,023
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		19,947,664,054	19,919,692,054
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc'	213		-	-
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác	216		19,947,664,054	19,919,692,054
6.1	Ký quỹ bảo hiểm	216.1		8,000,000,000	8,000,000,000
6.2	Phải thu dài hạn khác	216.2		11,947,664,054	11,919,692,054
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		397,918,052,408	404,503,679,755
1	Tài sản cố định hữu hình	221	IV.9	357,706,869,806	362,245,158,474
	Nguyên giá	222		519,597,798,381	518,836,350,531
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(161,890,928,575)	(156,591,192,057)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	IV.10	40,211,182,602	42,258,521,281
	Nguyên giá	228		70,296,645,120	70,296,645,120
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30,085,462,518)	(28,038,123,839)
III	Bất động sản đầu tư	230	IV.11	12,118,084,064	12,400,048,274
	Nguyên giá	231		22,557,136,380	22,557,136,380
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10,439,052,316)	(10,157,088,106)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		32,843,129,901	31,237,338,585
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		32,843,129,901	31,237,338,585
III	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,328,435,419,868	1,342,797,046,506
1	Đầu tư vào công ty con	251	IV.2b	176,400,000,000	176,400,000,000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	IV.2b	14,292,700,000	14,292,700,000
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	IV.2b	30,129,400,000	30,129,400,000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	IV.2c	(24,880,221,662)	(24,880,221,662)
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	IV.2a	1,132,493,541,530	1,146,855,168,168
VI	Tài sản dài hạn khác	260		43,098,556,344	30,718,109,849
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.8b	43,081,115,035	30,700,668,540
2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		17,441,309	17,441,309
3	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VII	Lợi thế thương mại	249			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8,371,310,758,288	8,427,178,125,661

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		5,651,553,338,519	5,771,877,003,954
I Nợ ngắn hạn		310		5,651,538,338,519	5,771,862,003,954
1	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.12	756,991,111,310	729,727,401,827
1.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311.1		735,038,413,080	652,713,561,443
1.2	Phải trả khác cho người bán	311.2		21,952,698,230	77,013,840,384
2	Người mua trả tiền trước	312	IV.13	56,071,493,198	14,375,779,210
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.14	44,339,978,549	57,857,878,457
4	Phải trả người lao động	314		220,754,597,516	200,521,382,109
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		420,376,820	3,432,843,351
6	Phải trả nội bộ	316		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318.1		66,515,916,976	118,103,532,270
7	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	318.2		152,388,929,784	153,577,342,804
8	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV.15	235,953,952,602	117,489,519,190
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		288,000,000,000	288,000,000,000
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9,503,220,121	9,551,180,121
12	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
13	Dự phòng nghiệp vụ	329	IV.16	3,820,598,761,643	4,079,225,144,615
13.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1	IV.16a	2,121,117,829,788	2,102,818,424,557
13.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2	IV.16a	1,466,818,641,737	1,752,500,636,177
13.3	Dự phòng giao động lớn	329.3	IV.16b	232,662,290,118	223,906,083,881
II Nợ dài hạn		330		15,000,000	15,000,000
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	337	IV.17	15,000,000	15,000,000
4	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7	Dự phòng phải trả dài hạn			-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2,719,757,419,769	2,655,301,121,707	
I	Vốn chủ sở hữu	IV.18	2,719,757,419,769	2,655,301,121,707
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	1,205,921,290,000	1,205,921,290,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	1,205,921,290,000	1,205,921,290,000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	425,978,852,804	425,978,852,804
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4	Cổ phiếu quỹ	414	-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	28,642,118,155	28,642,118,155
4	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	94,459,326,499	94,459,326,499
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	964,755,832,311	900,299,534,249
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	900,299,534,249	634,613,595,675
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	64,456,298,062	265,685,938,574
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	8,371,310,758,288	8,427,178,125,661	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	Tài sản thuê ngoài	-	-
2	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3	Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
4	Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh	113,930,128,669	110,858,015,198
5	Ngoại tệ các loại:	-	-
	Dollar Mỹ (USD)	2,078,756.31	300,855.09
	Euro (EUR)	57,608.55	32,369.77
	Bảng Anh (£)	1,850.32	1,851.97

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yên

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	V.1	899,336,285,420	863,179,194,817
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		1,069,500,000	594,954,545
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	V.2	75,579,478,328	82,508,706,874
4. Thu nhập khác	13		505,207,904	575,271,277
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		863,006,054,481	812,567,522,816
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		40,359,848	28,196,913
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	V.3	7,019,641,312	25,324,156,894
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	V.4	25,544,285,105	24,075,160,141
9. Chi phí khác	24		309,758,328	2,392,792,393
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50		80,570,372,578	82,470,298,356
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		16,114,074,516	16,605,668,492
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>64,456,298,062</u>	<u>65,864,629,864</u>
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.5	<u>-</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

(Đơn vị tính: VND)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		
			Quý I.2026	Quý I.2025	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
				Năm trước	
1. Doanh thu phí bảo hiểm	01	V.1	1,129,112,034,045	1,123,050,929,470	1,123,050,929,470
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1,140,166,508,096	1,058,338,208,682	1,058,338,208,682
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		7,244,931,180	25,094,719,874	25,094,719,874
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		18,299,405,231	(39,618,000,914)	(39,618,000,914)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		310,695,308,972	335,112,855,541	335,112,855,541
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		271,790,815,648	357,045,702,212	357,045,702,212
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(38,904,493,324)	21,932,846,671	21,932,846,671
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		818,416,725,073	787,938,073,929	787,938,073,929
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		80,919,560,347	75,241,120,888	75,241,120,888
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		71,570,736,035	71,215,546,376	71,215,546,376
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		9,348,824,312	4,025,574,512	4,025,574,512
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		899,336,285,420	863,179,194,817	863,179,194,817
6. Chi bồi thường	11		428,233,130,568	437,051,719,462	437,051,719,462
- Tổng chi bồi thường	11.1		429,446,402,829	447,389,406,531	447,389,406,531
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		1,213,272,261	10,337,687,069	10,337,687,069
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		110,708,491,676	115,887,496,382	115,887,496,382

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Quý I.2026	Quý I.2025	Năm nay / Năm trước
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tài bảo hiểm	13		(73,020,630,914)	(122,701,743,474)	(122,701,743,474)
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tài bảo hiểm	14		(70,513,444,416)	74,813,868,971	74,813,868,971
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15		315,017,452,394	123,648,610,635	123,648,610,635
11. Tăng (giảm) dự phòng giao động lớn	16		8,756,206,237	7,263,872,263	7,263,872,263
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		539,232,395,850	681,655,039,918	681,655,039,918
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		106,533,943,317	112,802,873,416	112,802,873,416
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		432,698,452,533	568,852,166,502	568,852,166,502
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		863,006,054,481	812,567,522,816	812,567,522,816
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		36,330,230,939	50,611,672,001	50,611,672,001
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		1,069,500,000	594,954,545	594,954,545
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		40,359,848	28,196,913	28,196,913
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	22		1,029,140,152	566,757,632	566,757,632
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	V.2	75,579,478,328	82,508,706,874	82,508,706,874
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	V.3	7,019,641,312	25,324,156,894	25,324,156,894
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		68,559,837,016	57,184,549,980	57,184,549,980
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.4	25,544,285,105	24,075,160,141	24,075,160,141
22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		80,374,923,002	84,287,819,472	84,287,819,472

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Quý I.2026		Quý I.2025		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Quý I.2026	Quý I.2025	Quý I.2025	Năm nay	Năm nay	Năm trước
23.	Thu nhập khác	505,207,904	575,271,277	575,271,277	505,207,904	575,271,277	575,271,277
24.	Chi phí khác	309,758,328	2,392,792,393	2,392,792,393	309,758,328	2,392,792,393	2,392,792,393
25.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	195,449,576	(1,817,521,116)	(1,817,521,116)	195,449,576	(1,817,521,116)	(1,817,521,116)
26.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	80,570,372,578	82,470,298,356	82,470,298,356	80,570,372,578	82,470,298,356	82,470,298,356
27.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	16,114,074,516	16,605,668,492	16,605,668,492	16,114,074,516	16,605,668,492	16,605,668,492
28.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-
29.	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	64,456,298,062	65,864,629,864	65,864,629,864	64,456,298,062	65,864,629,864	65,864,629,864
30.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	V.5	V.5	V.5	V.5	V.5	V.5

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		80,570,372,578	82,470,298,356
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7,629,039,407	7,812,391,468
- Các khoản dự phòng	03		71,427,222,325	(242,388,858,750)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(51,167,922,422)	(73,913,870,749)
- Chi phí lãi vay	06		4,383,969,863	934,424,658
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		112,842,681,751	(225,085,615,017)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(105,289,949,555)	41,205,109,526
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(559,800,235)	(394,491,788)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		140,774,007,097	(23,140,304,382)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3,223,069,751	(11,067,620,410)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(204,546,412,100)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4,335,713,699)	(934,424,658)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(16,571,316,007)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(47,960,000)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		146,606,335,110	(440,535,074,836)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(761,447,850)	(1,027,615,155)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	421,100,000.00
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(776,901,421,432)	(1,251,111,925,740)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		255,000,000,000	1,803,232,356,165
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9,840,595,905	56,867,234,597
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(512,822,273,377)	608,381,149,867

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	187,340,546,929
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(250,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(119,265,113)	(58,509,205)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(119,265,113)</i>	<i>(62,717,962,276)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(366,335,203,380)	105,128,112,755
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	727,992,721,617	27,428,247,745
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	361,657,518,237	132,556,360,500

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2026

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Yến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng	361,657,518,237	727,992,721,617
Cộng	<u>361,657,518,237</u>	<u>727,992,721,617</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<i>Ngắn hạn</i>	4,466,250,526,755	4,466,250,526,755	3,944,349,105,323	3,944,349,105,323
Tiền gửi có kỳ hạn	3,333,756,985,225	3,333,756,985,225	2,697,493,937,155	2,697,493,937,155
Đầu tư trái phiếu	-	-	210,736,951,930	210,736,951,930
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	1,132,493,541,530	1,132,493,541,530	1,246,855,168,168	1,246,855,168,168
Đầu tư trái phiếu	300,000,000,000	300,000,000,000	402,000,000,000	402,000,000,000
Cộng	<u>4,466,250,526,755</u>	<u>4,466,250,526,755</u>	<u>3,944,349,105,323</u>	<u>3,944,349,105,323</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	176,400,000,000	9,880,221,662	176,400,000,000	9,880,221,662
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	176,400,000,000	9,880,221,662	176,400,000,000	9,880,221,662
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14,292,700,000	-	14,292,700,000	-
Công ty Cổ phần Kasati	14,292,700,000	-	14,292,700,000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30,129,400,000	15,000,000,000	30,129,400,000	15,000,000,000
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	5,699,400,000	-	5,699,400,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Cộng	220,822,100,000	24,880,221,662	220,822,100,000	24,880,221,662

2c. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24,880,221,662	24,619,974,531
Trích lập dự phòng bổ sung	-	260,247,131
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	24,880,221,662	24,880,221,662

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	381,675,451,554	297,527,642,272
Phải thu về tái bảo hiểm	148,493,889,926	394,360,146,138
Cộng	530,169,341,480	691,887,788,410

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	262,640,741,548	292,090,929,376
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	28,412,216,220	5,221,465,217
Trả trước cho nhà cung cấp khác	16,516,443,004	17,156,464,101
Cộng	<u>307,569,400,772</u>	<u>314,468,858,694</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	189,441,373,387	148,114,046,870
Các khoản phải thu khác	331,247,864,802	81,451,241,411
Tạm ứng kinh doanh	27,542,570,635	19,273,253,519
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,000,000	9,012,300,000
Cộng	<u>548,236,808,824</u>	<u>257,850,841,800</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	109,271,123,328	101,296,819,297
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	8,625,428,482	1,063,408,399
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1,291,898,538	1,141,522,122
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1,516,386,453	1,397,893,540
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	97,837,409,855	97,693,995,235
Cộng	<u>109,271,123,328</u>	<u>101,296,819,297</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	101,296,819,297	97,747,578,040
Trích lập dự phòng bổ sung	7,974,304,031	3,549,241,257
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	<u>109,271,123,328</u>	<u>101,296,819,297</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	381,480,887	672,487,030
Công cụ, dụng cụ	1,081,823,217	231,016,839
Cộng	<u>1,463,304,104</u>	<u>903,503,869</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	198,749,966,209	209,513,399,497
Chi phí kinh doanh chờ phân bổ	56,016,978,232	50,542,562,039
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	914,500,124	534,941,248
Cộng	255,681,444,565	260,590,902,784

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	209,513,399,497	242,815,443,918
Số phát sinh trong kỳ	95,770,510,029	381,287,265,961
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	(106,533,943,317)	(414,589,310,382)
Số dư cuối kỳ	198,749,966,209	209,513,399,497

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ dụng cụ	3,198,962,757	388,248,756
Chi phí thuê nhà	4,402,506,661	31,000,000
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	14,789,024,059	15,748,142,156
Các khoản chi phí khác	20,690,621,558	14,533,277,628
Cộng	43,081,115,035	30,700,668,540

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	369,088,592,339	67,753,984,418	81,993,773,774	518,836,350,531
Tăng trong kỳ	-	-	761,447,850	761,447,850
Phân loại lại	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	369,088,592,339	67,753,984,418	82,755,221,624	519,597,798,381
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	54,690,354,657	45,531,793,441	56,369,043,959	156,591,192,057
Tăng trong kỳ	2,142,825,378	1,351,655,912	1,805,255,228	5,299,736,518
Phân loại lại	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	56,833,180,035	46,883,449,353	58,174,299,187	161,890,928,575
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	314,398,237,682	22,222,190,977	25,624,729,815	362,245,158,474
Số cuối kỳ	312,255,412,304	20,870,535,065	24,580,922,437	357,706,869,806

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	27,564,441,158	42,732,203,962	70,296,645,120
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	27,564,441,158	42,732,203,962	70,296,645,120
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	28,038,123,839	28,038,123,839
Khấu hao trong kỳ	-	2,047,338,679	2,047,338,679
Số cuối kỳ	-	30,085,462,518	30,085,462,518
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	27,564,441,158	14,694,080,123	42,258,521,281
Số cuối kỳ	27,564,441,158	12,646,741,444	40,211,182,602

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**11. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	22,557,136,380	22,557,136,380
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ		22,557,136,380	22,557,136,380
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	10,157,088,106	10,157,088,106
Khấu hao trong kỳ	-	281,964,210	281,964,210
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ		10,439,052,316	10,439,052,316
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	12,400,048,274	12,400,048,274
Số cuối kỳ	-	12,118,084,064	12,118,084,064

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	296,705,100,748	225,774,938,872
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	419,288,086,436	400,720,854,266
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	19,045,153,169	26,217,768,305
Phải trả cho nhà cung cấp khác	21,952,770,957	77,013,840,384
Cộng	756,991,111,310	729,727,401,827

13. Người mua trả tiền trước

Là khoản người mua trả trước liên quan đến hoạt động bảo hiểm gốc.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	28,210,672,491	32,966,911,948
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16,114,074,516	18,418,138,963
Thuế thu nhập cá nhân	-	6,472,827,546
Các loại thuế khác	15,231,543	-
Cộng	44,339,978,550	57,857,878,457

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ,

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%,

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80,570,372,578	82,470,298,356
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	558,044,105
<i>Chi phí không được trừ</i>	-	558,044,105
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	-
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đã loại trừ chi phí năm trước"</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	80,570,372,578	83,028,342,461
Thu nhập tính thuế	80,570,372,578	83,028,342,461
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<u>16,114,074,516</u>	<u>16,605,668,492</u>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>16,114,074,516</u>	<u>16,605,668,492</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>16,114,074,516</u>	<u>16,605,668,492</u>

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, KPCĐ	6,884,480,803	9,519,133,164
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8,864,316,553	8,983,581,666
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	1,675,530,270	10,016,848,651
Các khoản phải trả khác	218,529,624,976	88,969,955,709
Cộng	<u>235,953,952,601</u>	<u>117,489,519,190</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4)	(5)	(6) = (4) - (5)
16. Dự phòng nghiệp vụ						
16a, Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng						
<i>1, Dự phòng bồi thường</i>	<i>1,466,818,641,737</i>	<i>708,322,813,163</i>	<i>758,495,828,574</i>	<i>1,752,500,636,177</i>	<i>991,497,621,105</i>	<i>761,003,015,072</i>
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1,388,693,573,072	687,815,077,183	700,878,495,889	1,677,969,700,183	957,259,150,955	720,710,549,228
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	78,125,068,665	20,507,735,980	57,617,332,685	74,530,935,994	34,238,470,150	40,292,465,844
<i>2, Dự phòng phí chưa được hưởng</i>	<i>2,121,117,829,788</i>	<i>588,364,512,541</i>	<i>1,532,753,317,247</i>	<i>2,102,818,424,557</i>	<i>627,269,005,865</i>	<i>1,475,549,418,692</i>
Cộng	3,587,936,471,525	1,296,687,325,704	2,291,249,145,821	3,855,319,060,734	1,618,766,626,970	2,236,552,433,764
<i>Trong đó chi tiết:</i>						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu kỳ	1,752,500,636,177	997,244,121,804	761,003,015,072	1,942,795,192,972	997,244,121,804	945,551,071,168
Số trích lập trong kỳ	(285,681,994,440)	(112,127,690,441)	(2,507,186,498)	(190,294,556,795)	(5,746,500,699)	(184,548,056,096)
Số dư cuối kỳ	1,466,818,641,737	885,116,431,363	758,495,828,574	1,752,500,636,177	991,497,621,105	761,003,015,072
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu kỳ	2,102,818,424,557	627,269,005,865	1,475,549,418,692	2,284,466,445,222	665,698,926,324	1,618,767,518,898
Số trích lập trong kỳ	18,299,405,231	(38,904,493,324)	57,203,898,555	(181,648,020,665)	(38,429,920,459)	(143,218,100,206)
Số dư cuối kỳ	2,121,117,829,788	588,364,512,541	1,532,753,317,247	2,102,818,424,557	627,269,005,865	1,475,549,418,692

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

16b, Dự phòng dao động lớn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu kỳ	223,906,083,881	196,589,751,521
Số trích lập thêm trong kỳ	8,756,206,237	27,316,332,360
Số sử dụng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>232,662,290,118</u>	<u>223,906,083,881</u>

17. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	28,642,118,155	80,395,709,000	650,556,826,316	2,391,494,796,275
Tăng vốn chủ sở hữu	401,964,200,000	(401,964,200,000)	-	-	-	-
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	279,749,556,073	279,749,556,073
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	-	14,063,617,499	(14,063,617,499)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(9,565,938,386)	(9,565,938,386)
Trích thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(6,377,292,257)	(6,377,292,257)
Số dư cuối kỳ trước	1,205,921,290,000	425,978,852,804	28,642,118,155	94,459,326,499	901,822,328,159	2,655,301,121,707
Số dư đầu kỳ	1,205,921,290,000	425,978,852,804	28,642,118,155	94,459,326,499	901,822,328,159	2,655,301,121,707
Tăng vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	64,456,298,062	64,456,298,062
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-
Trích thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	1,205,921,290,000	425,978,852,804	28,642,118,155	94,459,326,499	964,755,832,311	2,719,757,419,769

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	120,592,129	120,592,129
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	<u>120,592,129</u>	<u>120,592,129</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND,

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bảo hiểm gốc	1,157,756,355,414	1,063,624,537,982
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(17,589,847,318)	(5,286,329,300)
Phí nhận tái bảo hiểm	7,244,931,180	25,094,719,874
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	-	-
Tặng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(18,299,405,231)	39,618,000,914
Doanh thu thuần	<u>1,129,112,034,045</u>	<u>1,123,050,929,470</u>

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	51,167,922,422	73,913,870,749
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	77,544,829	579,035
Lãi kinh doanh trái phiếu, đầu tư khác	24,076,721,494	7,575,000,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	187,716,981	1,018,821,918
Các khoản khác	69,572,602	435,172
Cộng	<u>75,579,478,328</u>	<u>198,047,244,810</u>

3. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4,383,969,863	934,424,658
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	736,241,058	5,588,570
Chi phí kinh doanh chứng khoán, đầu tư khác	1,899,062,087	13,870,560,728
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	10,414,179,600
Chi phí khác	368,304	99,403,338
Cộng	<u>136,712,521,700</u>	<u>25,324,156,894</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I của của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4,905,812,679	6,282,043,844
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	185,631,627	201,549,496
Chi phí dụng cụ quản lý	6,850,000	3,454,546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6,534,497,614	6,194,982,691
Thuế, phí và lệ phí	292,153,207	221,240,805
Chi phí dự phòng	7,974,304,031	(1,000,450,583)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,006,566,598	10,372,200,564
Chi phí khác bằng tiền	2,678,829,197	1,800,138,778
Cộng	<u>25,584,644,953</u>	<u>24,075,160,141</u>

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu”, Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng mà trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất,

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yến

